

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020, Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020;

Căn cứ Kết luận số 51-KL/TW ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020,

Kết luận số 51-KL/TW ngày ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo, đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTN NĐ Quốc hội;
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh/TP;
- Sở GDĐT các tỉnh/TP;
- Các đại học, học viện, các trường ĐH, CĐ, TCCN;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, TH, VPBCSD.

để
báo
cáo

BỘ TRƯỞNG



Phạm Vũ Luận

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020, Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT

Ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Để thực hiện thành công Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020 (gọi tắt là Chiến lược), Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (gọi tắt là Kết luận 51) và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận 51 (gọi tắt là Chỉ thị 02), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình hành động của ngành Giáo dục với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ chủ yếu triển khai Kết luận 51 và Chỉ thị 02 tập trung thực hiện trong năm 2013, định hướng năm 2014 và 2015 nhằm khắc phục những yếu kém, bất cập làm ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo trong thời gian qua.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện 8 giải pháp của Chiến lược trong 2 giai đoạn (giai đoạn 1: 2013-2015 và giai đoạn 2: 2016-2020), trong đó lồng ghép các nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 1 với các nhiệm vụ thực hiện Kết luận 51 và Chỉ thị 02.

3. Chương trình hành động là căn cứ để Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương, cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch hành động theo chức năng nhiệm vụ của mình và chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược, Kết luận 51 và Chỉ thị 02.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Giai đoạn 1 (2013-2015)

1.1. Hoàn thiện Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

1.2. Đổi mới quản lý giáo dục

a) Rà soát và xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục.

b) Tăng cường phân cấp quản lý, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ, ban ngành và địa phương trong quản lý giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương, gắn trách nhiệm với quyền hạn sử dụng nhân sự và tài chính, đặc biệt trong quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, phổ thông; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình giáo dục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

c) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý giáo dục của địa phương, các bộ, ngành có cơ sở giáo dục đào tạo, việc thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục đào tạo; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và thông báo công khai trước công luận nhằm khắc phục cơ bản tiêu cực trong dạy thêm học thêm; tiêu cực trong thi cử; lạm thu trong trường học; chấn chỉnh đào tạo hệ vừa làm, vừa học, đào tạo liên thông, đào tạo liên kết với nước ngoài. Cuối năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức đánh giá kết quả khắc phục các tiêu cực trong giáo dục, đào tạo.

e) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Thực hiện tốt phân luồng trong hệ thống, đặc biệt là phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông và liên thông giữa các chương trình giáo dục, cấp học và trình độ đào tạo; đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân.

g) Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc sinh viên tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học. Sơ kết thí điểm sinh viên tham gia đánh giá giảng viên, giảng viên tham gia đánh giá hiệu trưởng, rút kinh nghiệm và triển khai đại trà tại các cơ sở giáo dục đại học.

h) Tổng kết, đánh giá 3 năm thực hiện Chỉ thị số 296/CT-TTg về đổi mới quản lý giáo dục giai đoạn 2010-2012, trên cơ sở đó chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà trường. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chiến lược, xác định sứ mệnh, tầm nhìn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

i) Xây dựng khung trình độ quốc gia về giáo dục và hệ thống văn bằng chứng chỉ tương đương. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; thành lập trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục; đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đánh giá chất lượng giáo

dục và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp; tiếp tục đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với một số đơn vị có đủ điều kiện theo quy định.

k) Đổi mới công tác thu thập và xử lý thông tin từ các kênh khác nhau để giải quyết kịp thời các vấn đề của ngành. Chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin tuyên truyền các nội dung của Chiến lược, Kết luận 51, Chỉ thị 02, các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về phát triển giáo dục và đào tạo.

1.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Thực hiện quy hoạch nhân lực ngành Giáo dục

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, tập huấn hoạt động xây dựng, thực hiện quy hoạch nhân lực ngành Giáo dục của các địa phương. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ đạo quy hoạch cấp bộ và Ban Chỉ đạo quy hoạch cấp tỉnh. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực ngành Giáo dục.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm đến năm 2020.

- Triển khai quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp. Hướng dẫn cơ sở tự xác định nhu cầu bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ.

b) Hoàn thiện, cải tiến chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng, bổ sung các văn bản về chế độ, chính sách, quy định đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó có đội ngũ nhà giáo đang công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên.

- Xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ nhằm khuyến khích nhà giáo, đồng thời thu hút những người có năng lực và trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo.

c) Thực hiện đề án đào tạo trình độ tiến sĩ cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng với phương thức kết hợp đào tạo trong và ngoài nước. Tập trung giao nhiệm vụ cho một số đại học, trường đại học và viện nghiên cứu lớn trong nước đảm nhiệm việc đào tạo tiến sĩ trong nước với sự tham gia của các giáo sư được mời từ những đại học có uy tín trên thế giới.

d) Triển khai Đề án “Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016”. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh các trường đại học, cao đẳng” và triển khai thực hiện.

1.4. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

a) Tích cực nghiên cứu, xây dựng Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để triển khai Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015.

b) Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Tiếp tục rà soát, đánh giá thường xuyên chương trình, sách giáo khoa, đảm bảo nội dung dạy học đạt yêu cầu cơ bản, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Triển khai các dự án, đề án về đổi mới phương pháp dạy học; hướng dẫn và thu hút nhiều học sinh trung học phổ thông nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tổ chức nhiều “sân chơi” trí tuệ cho học sinh; mở rộng diện học sinh được học 2 buổi/ngày, nhất là ở mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi cấp quốc gia và quốc tế an toàn, nghiêm túc, đảm bảo cho kết quả thi thực sự khách quan, phản ánh đúng chất lượng dạy và học, tác động tích cực đến việc dạy và học, thực hiện các mục tiêu giáo dục. Nghiên cứu và triển khai các chương trình đánh giá học sinh quốc tế PISA, PASEC. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kỳ thi Olympic Hóa học quốc tế năm 2014 và Olympic Sinh học quốc tế năm 2016 tại Việt Nam.

c) Tiếp tục chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chuẩn đầu ra đối với từng ngành, từng chương trình đào tạo cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Xây dựng tiêu chuẩn về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chất lượng cao và xác định nhu cầu xã hội đối với loại chương trình này.

d) Đổi mới phương thức tổ chức và quản lý đào tạo theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở đào tạo; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ; sửa đổi bổ sung quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam; hoàn thiện hệ thống thông tin về quản lý giáo dục đại học.

đ) Hoàn thành và trình Chính phủ Nghị định về phân tầng và xếp hạng cơ sở giáo dục đại học và triển khai thực hiện. Phát triển các chương trình đào tạo trình độ đại học theo 2 hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp ứng dụng. Vận dụng có chọn lọc một số chương trình đào tạo tiên tiến của các đại học có uy tín trên thế giới vào đào tạo của một số trường đại học ở Việt Nam.

e) Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội

Triển khai tích cực các hợp đồng, thỏa thuận đào tạo, sử dụng nhân lực đã ký kết. Quy định trách nhiệm và cơ chế phù hợp để mở rộng các hình thức, nội dung liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nhân lực và nghiên cứu chuyển giao công nghệ; khuyến khích mở các cơ sở giáo dục đại học trong các doanh nghiệp lớn nhằm thực hiện có hiệu quả việc cung cấp nhân lực trực tiếp cho các doanh nghiệp; huy động tối đa sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng và đánh giá chương trình, tổ chức đào tạo, hỗ trợ trong việc bố trí chỗ thực tập và tuyển dụng học

sinh, sinh viên tốt nghiệp. Chủ động đào tạo và cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực về số lượng, chất lượng theo ngành nghề, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động tại vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, công nghệ cao; chú trọng việc phối hợp, liên kết trong đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp, gắn chặt với nhu cầu ngành, địa phương và toàn xã hội.

g) Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập đến năm 2020. Triển khai Đề án xóa mù chữ đến năm 2020 khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học.

h) Về dạy và học ngoại ngữ

Triển khai đồng bộ theo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020, tập trung vào các nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, đổi mới về tổ chức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xây dựng các chương trình dạy học dựa theo khung tham chiếu năng lực ngôn ngữ Châu Âu.

Phối hợp, hướng dẫn các bộ, ngành xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; xác lập cơ chế phối hợp, báo cáo để Đề án được triển khai hiệu quả trong toàn hệ thống giáo dục quốc dân.

i) Về dạy và học tin học

Ban hành chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục giai đoạn 2013-2018. Thực hiện và quản lý các hệ thống thông tin quản lý giáo dục trực tuyến và cơ sở dữ liệu của ngành.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học các môn học khác. Đổi mới nội dung dạy và học môn tin học ở các cấp, bậc học theo hướng hiện đại, thiết thực và trên nền mã nguồn mở. Triển khai chương trình tin học ứng dụng theo mô đun kiến thức. Quy định chuẩn kiến thức về công nghệ thông tin đối với giáo viên, sinh viên và học sinh.

1.5. Tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục

a) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát các đối tượng thuộc diện chính sách, thuộc hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng chi trả chi phí đào tạo để đề xuất chế độ miễn, giảm, cho vay và tính toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

c) Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học rà soát lại các nội dung triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính tài sản theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

đ) Nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục đại học; tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học; xây dựng đề án thí điểm đổi mới cơ chế tài chính và đề án đổi mới cơ chế tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đại học.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện đề án thí điểm về đặt hàng cung ứng dịch vụ đối với một số ngành nghề khó tuyển sinh, nhà nước có nhu cầu cao; đào tạo chất lượng cao, học phí cao.

g) Hoàn thành và triển khai quy hoạch hệ thống các trường đại học, cao đẳng đã thành lập. Chỉ đạo chặt chẽ việc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục đối với các trường đại học, cao đẳng mới, bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật.

h) Khảo sát, đánh giá thực trạng và tổng kết việc đầu tư, hợp tác đầu tư, sử dụng kết quả đào tạo và hoạt động khoa học và công nghệ của các trường đại học trọng điểm. Rà soát danh sách các trường đại học trọng điểm trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

i) Khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình xây dựng các trường đại học xuất sắc; hoàn thiện chính sách cho phù hợp, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; tiếp tục đàm phán với Chính phủ Nga về hợp tác xây dựng Trường Đại học Công nghệ Việt Nga; Thỏa thuận với Vương quốc Anh về hỗ trợ xây dựng Trường Đại học Việt Anh.

Xây dựng một số trường đại học, trung tâm nghiên cứu hiện đại để thu hút các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

k) Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đầu tư xây dựng cơ bản; đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020. Thực hiện tốt công tác thiết bị trường học, thư viện trường học. Trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013-2015 và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án.

1.6. Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội

a) Phối hợp với Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ nghiên cứu, tổng kết việc thực hiện các chính sách hiện hành đối với nhà giáo và người học thuộc các dân tộc thiểu số để xử lý các bất cập, đề xuất các chính sách mới. Thực hiện cơ chế, chính sách để phát triển, giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Triển khai thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng và mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số và thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ

em bị ảnh hưởng bởi HIV và trẻ em lang thang đường phố; cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên xuất sắc.

c) Tập trung đầu tư phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học dân tộc và các trường phổ thông vùng dân tộc. Tập trung phát triển các trường trung cấp chuyên nghiệp tại các địa phương còn nhiều khó khăn; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn.

d) Tiếp tục triển khai Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015.

đ) Nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc và dạy tiếng dân tộc trong trường phổ thông.

e) Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chính sách đối với cán bộ, giáo viên công tác ở vùng dân tộc và chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc. Tăng cường dạy tiếng dân tộc cho cán bộ quản lý và giáo viên công tác ở vùng dân tộc thiểu số. Chỉ đạo các tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc đề án luân chuyển giáo viên của địa phương. Tăng cường công tác đào tạo theo địa chỉ, đào tạo giáo viên là người dân tộc.

g) Tập trung giải quyết tình trạng trường học xuống cấp và tạm bợ ở vùng sâu, vùng xa thông qua Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; các chương trình, dự án vốn ODA.

1.7. Phát triển khoa học công nghệ và khoa học giáo dục

a) Xây dựng Nghị định quy định về đầu tư phát triển khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Hỗ trợ và khuyến khích các trường đại học, cao đẳng liên kết với đối tác nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tập trung đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn và phòng thí nghiệm trong các trường đại học trọng điểm; Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, chú trọng nghiên cứu cơ bản.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu giáo dục đủ tầm để xây dựng nền khoa học giáo dục Việt Nam, tham mưu cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách giáo dục. Ưu tiên cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài về khoa học giáo dục; đầu tư nhằm nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học của các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học giáo dục. Có chính sách đặc biệt nhằm thu hút các nhà khoa học nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm, các trí thức Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam.

c) Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục; thực hiện tốt chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng phục vụ đổi mới giáo dục và đào tạo.

1.8. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

a) Tiếp tục thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đem lại từ hợp tác quốc tế cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ưu tiên nguồn vốn ODA cho các cơ sở giáo dục, vùng còn nhiều khó khăn, các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm. Ưu tiên các chỉ tiêu cho các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm đi học tại nước ngoài theo các đề án sử dụng ngân sách nhà nước và các chương trình học bổng của nước ngoài, đào tạo tiến sĩ cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng. Mở rộng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề; Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (thay thế Đề án 322).

b) Chủ động hội nhập với khu vực và thế giới; tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật với các tổ chức, hiệp hội giáo dục khu vực và quốc tế.

c) Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, thông tin với các hiệp hội giáo dục khu vực và quốc tế nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, đổi mới công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, tiếp tục đàm phán và ký kết thỏa thuận tương đương bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới.

d) Thực hiện tốt các chương trình học bổng cho sinh viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam; quy định về việc tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy nghiên cứu và gửi chuyên gia Việt Nam sang giảng dạy, làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc thực hiện trao đổi giảng viên nước ngoài đến Việt Nam tham gia giảng dạy/nghiên cứu, góp phần xây dựng môi trường giáo dục quốc tế tại Việt Nam.

2. Giai đoạn 2 (2016-2020)

2.1. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Thực hiện thống nhất đầu mối quản lý và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục.

2.3. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đại học và một số nhiệm vụ của giai đoạn 1 với các điều chỉnh bổ sung; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục; tiếp tục thực hiện đề án nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tin học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2.4. Tiếp tục thực hiện đề án quy hoạch phát triển nhân lực của các bộ, ngành, địa phương và đề án quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục; tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020 và đào tạo giáo viên phục vụ triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015; đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng.

2.5. Tham mưu Chính phủ, Quốc hội xây dựng Luật Nhà giáo. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần tạo động lực cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức, trình độ đào tạo, năng lực nghề nghiệp. Đổi mới cách xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo lại, chương trình bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đổi mới cách thức tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và bổ nhiệm nhà giáo, cán bộ giáo dục. Rà soát và đưa ra khỏi ngành hoặc bố trí công việc khác đối với những người không đủ năng lực, phẩm chất.

2.6. Thực hiện chế độ học phí mới nhằm đảm bảo sự chia sẻ hợp lý giữa nhà nước, người học và xã hội.

2.7. Xây dựng và triển khai các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn ODA để tăng cường cơ sở vật chất, phát triển giáo dục và đào tạo.

2.8. Phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu khoa học giáo dục, tập trung đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu trong các trường sư phạm trọng điểm.

2.9. Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập; tiếp tục xây dựng xã hội học tập; hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, triển khai Chương trình hành động

a) Tổ chức quán triệt các nhiệm vụ trong Chương trình hành động của ngành Giáo dục đến các đơn vị, cơ sở giáo dục.

b) Văn phòng Bộ phối hợp với Báo Giáo dục và Thời đại, các cơ quan thông tấn báo chí chủ động tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện của ngành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Các sở giáo dục và đào tạo, đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Chiến lược, Kết luận, Chỉ thị và Chương trình hành động của ngành; xây dựng chương trình hành động cụ thể cho địa phương, đơn vị; định kỳ 6 tháng (tháng 6) và một năm (tháng 12) báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Bộ) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai chương trình và nhiệm vụ của đơn vị, hàng tháng báo cáo trong giao ban cơ quan Bộ; định kỳ 6 tháng (tháng 6) và một năm (tháng 12) có báo cáo đánh giá gửi Văn phòng Bộ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tổng kết việc thực hiện Kết luận số 51, Chỉ thị số 02 và sơ kết thực hiện giai đoạn 1 của Chiến lược vào đầu năm 2016. Tiếp tục kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 vào cuối năm 2020 và tổng kết vào đầu năm 2021.

4. Kinh phí thực hiện triển khai các nội dung nhiệm vụ của chương trình được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục hàng năm; ngân sách từ chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan và từ xã hội hóa giáo dục.

5. Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chương trình của các đơn vị, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Vũ Luận

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Giai đoạn 2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
I. Các văn bản, đề án trình cấp trên (19 văn bản)							
1	Nghị định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Chính phủ	2013	Vụ GDTrH	Vụ GDMN Vụ GDTH Vụ GDTX	TT Nguyễn Vinh Hiển	
2	Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHTC		Bộ trưởng	
3	Đề án thí điểm đổi mới cơ chế tài chính giáo dục đại học	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan	TT Bùi Văn Ga	
4	Đề án đổi mới cơ chế tính giá dịch vụ đại học, cao đẳng	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan	TT Bùi Văn Ga	
5	Quyết định phê duyệt Đề án về chính sách thu hút chuyên gia Việt Nam trình độ cao ở nước ngoài về tham gia quản lý và triển khai nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHCCNMT		TT Bùi Văn Ga	
6	Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013-2015	Thủ tướng Chính phủ	2013	Cục CSVC		TT Phạm Mạnh Hùng	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
7	Đề án đổi mới và phát triển giáo dục chuyên nghiệp giai đoạn 2012-2020	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ GDCN	Vụ GDĐH, Viện KHGD, Vụ TCCB, Cục NGCB	TT Bùi Văn Ga	
8	Đề án giải quyết việc làm cho sinh viên	Thủ tướng Chính phủ	2013	Trung tâm HTĐT&CUNL	Vụ CTHSSV, Vụ GDĐH, Vụ GDCN	TT Bùi Văn Ga	
9	Đề án đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh các trường đại học, cao đẳng	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ GDQP		TT Bùi Văn Ga	
10	Nghị định thay thế Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08/6/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2005/NĐ-CP	Chính phủ	2013	Thanh tra		Bộ trưởng	
11	Đề án thí điểm về đặt hàng cung ứng dịch vụ đào tạo đối với một số ngành nghề khó tuyển sinh, Nhà nước có nhu cầu cao, đào tạo chất lượng cao, học phí cao	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHTC	Bộ Tài chính	Bộ trưởng	
12	Đề án đổi mới căn bản toàn diện, giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	BCH TW	2013	Ban soạn thảo Đề án, Vụ TCCB	Viện KHGDVN	Bộ trưởng	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế						
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chính phủ	2013	Vụ GDĐH	Ủy ban Dân tộc, Vụ GDDT, Vụ KHTC, Vụ CTHSSV	TT Bùi Văn Ga	
14	Quyết định quy định hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo thi đỗ vào đại học, cao đẳng	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHTC	Ủy ban Dân tộc, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
15	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học	Chính phủ	2013	Vụ GDĐH	Các bộ, ngành và các đơn vị thuộc Bộ	TT Bùi Văn Ga	
16	Nghị định ban hành tiêu chí về phân tầng và xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học	Chính phủ	2013	Vụ GDĐH	Các bộ, ngành và các đơn vị thuộc Bộ	TT Bùi Văn Ga	
17	Điều lệ trường đại học	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ GDĐH	Các đơn vị thuộc Bộ	Bộ trưởng	
18	Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015	Chính phủ	2013	Ban chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT sau 2015	Các vụ, cục, viện, học viện thuộc Bộ GDĐT có liên quan; một số trường ĐHSP	Bộ trưởng	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
19	Chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục	Thủ tướng Chính phủ	2013	Viện KHGDN	Các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	
II. Các văn bản, đề án thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng (55 văn bản)							
1	Thông tư liên tịch về định mức chi cho công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục	Liên Bộ	2013	Cục KTKĐ	Vụ KHTC	TT Nguyễn Vinh Hiển	
2	Thông tư liên tịch quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật	Liên Bộ	2013	Vụ GDTH		TT Nguyễn Thị Nghĩa	
3	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	Liên Bộ	2013	Vụ GDDT	Bộ Tài chính, Vụ KHTC, Vụ GDTrH, Vụ PC	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
4	Thông tư ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Các vụ bậc học	TT Bùi Văn Ga	
5	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 29/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 ban hành quy định chu kỳ và quy trình kiểm định chất lượng giáo dục các trường đại học,	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDCN	TT Bùi Văn Ga	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp						
6	Thông tư quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
7	Thông tư quy định về học phí cao, chất lượng cao trong các trường mầm non, phổ thông công lập	Bộ trưởng	2013	Vụ KHTC		TT Nguyễn Vinh Hiển	
8	Thông tư ban hành quy chế thi tốt nghiệp THPT	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ		TT Nguyễn Vinh Hiển	
9	Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường đại học	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
10	Thông tư quy định việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho công tác quản lý và thúc đẩy quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp hệ thống và cấp trường	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDCN	TT Bùi Văn Ga	
11	Sửa đổi quy chế thi và tuyển sinh	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
12	Thông tư hướng dẫn thực hiện nghị định về hợp tác đầu tư	Bộ trưởng	2013	Vụ HTQT		TT Trần Quang Quý	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục						
13	Thông tư ban hành quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Bộ trưởng	2013	Cục KTKĐ		TT Nguyễn Vinh Hiển	
14	Thông tư sửa đổi quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (sửa đổi Thông tư số 32/2009/TT-BGDĐT ngày 27/10/2009 ban hành quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học)	Bộ trưởng	2013	Vụ GDTH		TT Nguyễn Vinh Hiển	
15	Thông tư bổ sung, chỉnh sửa tiêu chuẩn, quy trình công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Bộ trưởng	2013	Vụ GDMN	Cục KTKĐ, Vụ PC	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
16	Đề án đổi mới nội dung chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy môn chính trị TCCN	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN	Ban Tuyên giáo Trung ương	TT Bùi Văn Ga	
17	Thông tư ban hành quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (thay thế Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2007 ban hành quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy)	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
18	Thông tư hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng đào tạo nhân lực tại	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	địa phương						
19	Thông tư ban hành quy chế tuyển sinh TCCN thay thế quy chế ban hành theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BGDĐT ngày 17/3/2006 được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 08/2007/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
20	Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2011/TT-BGDĐT ngày 11/11/2011 quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo TCCN	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
21	Thông tư quy định về tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng người chăm sóc trẻ tại các cơ sở giáo dục tự thực	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Nguyễn Thị Nghĩa	
22	Quyết định ban hành chương trình khung bồi dưỡng người chăm sóc trẻ tại cơ sở giáo dục tự thực	Bộ trưởng	2013	Vụ GDCN		TT Nguyễn Thị Nghĩa	
23	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập	Bộ trưởng	2013	Cục NGCB	Vụ TCCB, Vụ GDDT	TT Nguyễn Vinh Hiển	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
24	Điều lệ trường cao đẳng	Bộ trưởng	2013	Vụ GDĐH	Các đơn vị thuộc Bộ	Bộ trưởng	
25	Thông tư ban hành chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học	Bộ trưởng	2013	Vụ GDĐH	Các đơn vị thuộc Bộ	TT Bùi Văn Ga	
26	Thông tư quy định tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao	Bộ trưởng	2013	Vụ GDĐH	Các đơn vị thuộc Bộ	TT Bùi Văn Ga	
27	Thông tư ban hành quy chế liên kết đào tạo trong nước	Bộ trưởng	2013	Vụ GDĐH	Các đơn vị thuộc Bộ	TT Bùi Văn Ga	
28	Thông tư quy định chuẩn tối thiểu về kiến thức, kỹ năng mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Bộ trưởng	2013	Vụ GDĐH		TT Bùi Văn Ga	
29	Đề án thành lập “Trung tâm khảo thí tiếng Nga” tại Phân viện Puskin	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Phân viện Puskin, Cục ĐTVNN	TT Trần Quang Quý	
30	Thông tư ban hành chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Các vụ, cục liên quan	TT Trần Quang Quý	
31	Quyết định ban hành thủ tục phê duyệt các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Vụ PC, Văn phòng Bộ	TT Trần Quang Quý	
32	Thông tư hướng dẫn công tác quản lý lưu học sinh Việt Nam học tập ở nước ngoài	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Các vụ, cục liên quan	TT Trần Quang Quý	
33	Thông tư ban hành quy chế	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Vụ TCCB	TT Trần Quang Quý	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	quản lý chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài						
34	Thông tư sửa đổi bổ sung quy chế công tác người nước ngoài học tập tại Việt Nam	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Các vụ, cục liên quan	TT Trần Quang Quý	
35	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài	Bộ trưởng	2013	Cục ĐTVNN	Các vụ, cục liên quan	TT Trần Quang Quý	
36	Thông tư quy định về thanh tra nhà trường, cơ sở giáo dục và hoạt động sư phạm của nhà giáo (thay thế Thông tư số 43/2006/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Bộ trưởng	2013	Thanh tra		TT Nguyễn Vinh Hiển	
37	Thông tư quy định trách nhiệm giải quyết khiếu nại tố cáo của các tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (thay thế Quyết định số 47/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giải quyết khiếu nại tố cáo và tiếp công dân)	Bộ trưởng	2013	Thanh tra		TT Trần Quang Quý	
38	Thông tư sửa đổi quy định kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (Sửa đổi Thông tư số 36/2009/TT-	Bộ trưởng	2014	Vụ GDTH		TT Nguyễn Vinh Hiển	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	BGDĐT ngày 04/12/2009 ban hành quy định kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi)						
39	Xây dựng, thử nghiệm mô hình giáo dục mầm non mới dựa vào cộng đồng cho trẻ 0-3 tuổi	Bộ trưởng	2014	Vụ GDMN	Vụ KHTC, Cục CSVN, Vụ TCCB, Cục NGCB	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
40	Giáo trình sử dụng chung trình độ trung cấp chuyên nghiệp các môn học: Kỹ năng giao tiếp, Khởi tạo doanh nghiệp, Chính trị, Giáo dục thể chất	Bộ trưởng	2014	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
41	Thông tư ban hành tiêu chuẩn trang thiết bị đào tạo các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp các ngành công nghệ kỹ thuật, công nghệ thông tin	Bộ trưởng	2014	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
42	Thông tư ban hành quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hệ thống tín chỉ	Bộ trưởng	2014	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
43	Giáo trình sử dụng chung trình độ trung cấp chuyên nghiệp các môn học: Tiếng Anh, Tin học	Bộ trưởng	2014	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
44	Đề án xây dựng quỹ hỗ trợ lưu học sinh	Bộ trưởng	2014	Cục ĐTVNN	Vụ TCCB Vụ KHTC	TT Trần Quang Quý	
45	Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ	Bộ trưởng	2014	Thanh tra		Bộ trưởng	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	thi (thay thế Quyết định số 41/2006/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi)						
46	Đề án thành lập Trung tâm dịch vụ công về thi	Bộ trưởng	2014	Cục KTKĐ		TT Nguyễn Vinh Hiển	
47	Quyết định ban hành chương trình giáo dục phổ thông (thử nghiệm)	Bộ trưởng	2014	Ban chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT sau 2015	Vụ TCCB, Vụ GDTH, Vụ GDTrH, Vụ GDTX	TT Nguyễn Vinh Hiển	
48	Thông tư ban hành chương trình, sách giáo khoa dạy học tiếng dân tộc thiểu số: M'ông, Thái	Bộ trưởng	2011-2015	Vụ GDDT	Viện KHXHVN, Các sở GDĐT	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
49	Thông tư ban hành danh mục thiết bị dạy học dân tộc thiểu số: M'ông	Bộ trưởng	2013-2015	Cục CSVC	Vụ GDDT, Viện KHXHVN, Các sở GDĐT	TT Nguyễn Thị Nghĩa	
50	Thông tư ban hành quy định hướng dẫn hoạt động hợp tác quốc tế trong giáo dục	Bộ trưởng	2013-2015	Vụ HTQT		TT Trần Quang Quý	
51	Thông tư ban hành quy định cử cán bộ đi công tác nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ trưởng	2013-2015	Vụ HTQT		TT Trần Quang Quý	
52	Thông tư ban hành quy định về sử dụng, hộ chiếu công vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ trưởng	2013-2015	Vụ HTQT		TT Trần Quang Quý	

TT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
53	Thông tư ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán, kí kết điều ước, thỏa thuận quốc tế trong giáo dục	Bộ trưởng	2013-2015	Vụ HTQT		TT Trần Quang Quý	
54	Các thông tư hướng dẫn về bồi dưỡng; thăng hạng chức danh; số lượng vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục, đào tạo	Bộ trưởng	2014-2015	Cục NGCB	Vụ TCCB, Vụ PC, các đơn vị liên quan	TT Nguyễn Vinh Hiển	
55	Thông tư ban hành quy định dạy và học tiếng Anh như một môn học bắt buộc ở tiểu học	Bộ trưởng	2015	Vụ GDTH		TT Nguyễn Vinh Hiển	

Giai đoạn 2016-2020

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp
I. Các văn bản, đề án trình cấp trên (04 văn bản)					
1	Luật Nhà giáo	2016	Quốc hội	Cục NGCB	
2	Đề án củng cố kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2016	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN	Vụ KHTC, Cục CSVC, Vụ TCCB, Cục NGCB
3	Đề án thi, tuyển sinh	2016	Thủ tướng Chính phủ	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDTrH

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp
4	Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2016-2020	2016	Thủ tướng Chính phủ	Cục CSVC	
II. Các văn bản, đề án thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng (14 văn bản)					
1	Thông tư quy định về thiết bị dạy học tối thiểu	2016	Bộ trưởng	Ban chỉ đạo CT SGK sau năm 2015	Cục CSVC
2	Chương trình và giáo trình các môn học thuộc khối kiến thức văn hóa phổ thông (hệ tuyển trung cấp chuyên nghiệp và sau trung học cơ sở)	2016	Bộ trưởng	Vụ GDCN	
3	Thông tư ban hành điều lệ trường tiểu học	2016-2017	Bộ trưởng	Vụ GDTH	
4	Thông tư ban hành quy định kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	2016-2020	Bộ trưởng	Vụ GDTH	
5	Thông tư ban hành quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học	2016-2020	Bộ trưởng	Vụ GDTH	
6	Thông tư ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ở tiểu học	2016-2020	Bộ trưởng	Vụ GDTH	
7	Thông tư ban hành chính sách dạy học 2 buổi/ngày	2016-2020	Bộ trưởng	Vụ GDTH	
8	Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường cao đẳng	2016-2020	Bộ trưởng	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH
9	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2011/TT-BGDĐT ngày 06/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục	2016-2020	Bộ trưởng	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDCN

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp
	sur phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học				
10	Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường trung cấp chuyên nghiệp	2016-2020	Bộ trưởng	Cục KTKĐ	Vụ GDCN
11	Quy chế thi, tuyển sinh	2016-2020	Bộ trưởng	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDTrH
12	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi và tuyển sinh	2016-2020	Bộ trưởng	Cục KTKĐ	Vụ GDĐH, Vụ GDTrH, Cục CNTT
13	Xây dựng danh mục thiết bị dạy học tiếng dân tộc thiểu số: Thái, Xê Đăng	2016-2020	Bộ trưởng	Vụ GDDT	Cục CSVC, Viện KHXHV, các sở GDĐT
14	Ban hành chính thức chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	2020	Bộ trưởng	Ban chỉ đạo CT SGK sau năm 2015	